

Bản án số: 138/2021/HS-ST
Ngày 01 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Chinh.

Thẩm phán: Ông Bùi Văn T .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phi Long, ông Vũ Anh T , ông Trần Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2021/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Ngọc B**; sinh ngày 24 tháng 10 năm 1974, tại Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 5, khu 2, phường Yết Kiêu, Thành phố H, tỉnh QN . Nghề nghiệp: Nguyên phó chủ tịch Hội chữ thập đỏ Thành phố H, tỉnh QN . Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Đào Xuân L và bà: Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt ngày 28/7/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt;

- Người bào chữa: Luật sư Đỗ T Nga, công ty luật Khởi Bình thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; (Không có mặt do bị cáo từ chối luật sư, tự bào chữa cho mình tại phiên tòa).

- Bị hại:

+ Anh Đoàn Anh T , sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 3, khu 4, phường Hồng Hà, Thành phố H, tỉnh QN . Vắng mặt, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Hoàng Thành N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 7, khu 3, phường G, Thành phố H, tỉnh QN . Vắng mặt, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Trung H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 53, khu 4, phường H, Thành phố H, tỉnh QN . Có mặt.

+ Anh Phạm Ngọc K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 77, khu 5B, phường B, Thành phố H, tỉnh QN . Vắng mặt, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Bùi Thị Thường, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 6, khu 5, phường H, Thành

phố H, tỉnh QN . Vắng mặt, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Trần Đức D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số nhà 45, tổ 8, khu 1, phường C, Thành phố H, tỉnh QN . Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Vũ Thị Hương, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 53, khu 4, phường H, Thành phố H, tỉnh QN . Vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Vui, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 2, khu 2, phường H, Thành phố H, tỉnh QN . Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 13, khu 9, phường H, Thành phố H, tỉnh QN . Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến tháng 12/2020, trên địa bàn Thành phố H, tỉnh QN , Đào Ngọc B - nguyên là Phó Chủ tịch Hội chữ thập đỏ thành phố H, đã tự nhận mình có khả năng nhờ người khác thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có khả năng xin việc, chuyển đổi công tác cho người khác để chiếm đoạt tiền của nhiều người, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Năm 2014, anh Đoàn Anh T làm tại Công ty quản lý đường sông số 3, anh có quan hệ quen biết với Đào Ngọc B. Anh T nghe B giới thiệu làm lãnh đạo tại Thành ủy Hạ Long, có quen biết nhiều lãnh đạo ở UBND thành phố H có thể xin cho anh T làm tại Phòng kinh tế - UBND thành phố H, nên anh T đã tin là thật. Sau đó, anh T đã đưa cho B 01 bộ hồ sơ xin việc, đồng thời từ ngày 22/9/2014 đến 26/5/2016 anh T đã 7 lần đưa cho B tổng cộng 148.500.000đồng. Cũng trong thời gian trong năm 2015, B nói dối anh T là B có xuất mua ưu đãi ki ốt bán hàng ở chợ CD phường B, B đứng tên để mua hộ anh T. Tin tưởng là B nói thật anh T đã 02 lần đưa tiền cho B để mua ki ốt trên. Lần 1: ngày 16/4/2015 là 25.000.000đồng. Lần 2: ngày 21/4/2015 là 40.000.000đồng. Tổng cộng B đã nhận của anh T là 213.500.000đồng (*Hai trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đến ngày 21/8/2021 anh T đã có đơn tố giác B và giao nộp: 19 tờ giấy in hình ảnh tin nhắn qua zalo giữa anh T và B có nội dung liên quan đến việc B xin việc cho T, nội dung xác nhận tổng số tiền B đã nhận của anh T để lo xin việc và mua ki ốt. 05 tờ giấy in tin nhắn thông báo tài khoản của anh T nhận được tiền do B chuyển trả.

Tại công văn số 8872/UBND-TCNV ngày 09/9/2021 của UBND thành phố H cung cấp: UBND thành phố H không tiếp nhận hồ sơ xin việc, tuyển dụng của Đoàn Anh T làm việc tại phòng kinh tế.

Trách nhiệm dân sự: Sau khi B chiếm đoạt tổng số của anh T 213.500.000đồng (*Hai trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*), B đã trả được cho anh T 103.000.000đồng, còn lại 110.500.000đồng chưa trả.

Vụ thứ hai:

Tháng 10/2019, anh Hoàng Thành N có nhu cầu làm thủ tục xin tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 150m² đất nằm trong thửa đất số 4, tờ bản đồ số 30, diện tích 770,2m² tại: Tổ 7, khu 3A, phường G, thành phố H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Hoàng Thị Kh, ông Nguyễn Hữu T, mà anh N mua trước đó đã xây nhà ở nhưng chưa tách thửa. Do có quen biết Đào Ngọc B nên anh N nhờ B làm thủ tục xin tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, anh N đưa hồ sơ liên quan đến thửa đất cho B xem. Sau khi xem xong, mặc dù không quen ai, nhưng B vẫn nói với anh N là làm được và yêu cầu anh N đưa tiền cho B để làm thủ tục tách thửa đất nói trên. Anh N tin tưởng B làm được, nên đồng ý. Sau đó, theo yêu cầu của B, từ tháng 10/2019 đến tháng 6/2020 anh N đã nhiều lần đưa tiền cho B, tổng cộng 134.000.000đồng. Trong đó có 5 lần đưa trực tiếp là tổng cộng là 35.000.000đồng, từ ngày 29/6/2020 đến ngày 30/9/2020, anh N đã 10 lần chuyển tiền từ tài khoản số 44510000001184 Ngân hàng Đầu tư và phát triển mang tên Hoàng Thành N vào tài khoản số 106005659607 ngân hàng TMCP Công thương Việt N mang tên Đào Ngọc B, với tổng số tiền 99.000.000đồng.

Tại Công văn số 1697 ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H thể hiện: Trung tâm hành chính công thành phố H chưa nhận hồ sơ xin làm thủ tục tách thửa đối với thửa đất số 4, Tờ bản đồ số 30 tại Tổ 5, khu 3A, phường G, thành phố H của ông Nguyễn Hữu T và bà Hoàng Thị Kh.

Tại Văn bản số 293 ngày 10/3/2021 của Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H thể hiện: Đối với diện tích 150m² đất của hộ anh Hoàng Thành N nằm trong thửa đất số 4, Tờ bản đồ số 30 tại Tổ 5, khu 3A, phường G, thành phố H của ông Nguyễn Hữu T và bà Hoàng Thị Kh đến thời điểm hiện tại chưa làm thủ tục tách thửa, chuyển nhượng theo quy định.

Quá trình điều tra Đào Ngọc B đã tự nguyện trả lại cho anh Hoàng Thành N số tiền 134.000.000đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu đồng*). Anh N không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho B.

Vụ thứ ba:

Anh Phạm Trung H công tác tại Hội Đồng nhân dân phường H có mối quan hệ quen biết chơi với Đào Ngọc B đã lâu. Khoảng tháng 6/2020 khi đó B đang làm Phó trưởng Ban dân vận Thành ủy H. Anh H nói chuyện với B về việc anh H sắp hết nhiệm kỳ, đến hạn phải chuyển đổi vị trí công tác. B đã chủ động gợi ý là B có quen biết các lãnh đạo có thể giúp anh H xin chuyển công tác về Sở kế hoạch đầu tỉnh QN. Do tin tưởng B, vì lúc này B đang làm Phó trưởng Ban dân vận Thành ủy H có thể giúp được, anh H đồng ý. B nói với anh H chuẩn bị 01 bộ hồ sơ xin việc để đưa cho B cùng với số tiền chi phí xin chuyển việc. Trong thời gian từ ngày 25/6/2020 đến tháng 11/2020, theo yêu cầu của B nói lý do phải chi phí cho việc chuyển đổi công tác, anh H đã 6 lần chuyển 275.000.000đồng từ tài khoản 19024739694024 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam của anh đến số tài khoản 106005659607 của B mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và 02 lần đưa tiền trực tiếp cho B là 80.000.000đồng, tổng cộng B đã nhận của anh

H 355.000.000đồng, nhưng không thực hiện được việc chuyển công tác cho anh H.

Ngoài ra theo gợi ý của B, anh H đã tin tưởng chuyển tiền cho B để xin việc làm cho chị gái là Phạm Thị V, cho vợ là chị Vũ Thị H, cho em họ là chị Vũ Thị H, cụ thể như sau:

Tháng 9/2020, B nói với anh H có một xuất vào làm thủ quỹ tại trường tiểu học QT chi phí là 35.000.000đồng. Anh H về nói lại với chị gái ruột là Phạm Thị V, do chị Vui biết B là bạn của anh H nên đã đồng ý. Theo yêu cầu của B, ngày 24/9/2020 chị V đưa 35.000.000đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc cho H. H đã chuyển trực tiếp tiền và hồ sơ cho B. Đến ngày 08/10/2020, theo yêu cầu của B, anh H đưa thêm 10.000.000đồng cho B, tổng cộng là 45.000.000đồng, khi nhận tiền B hứa tháng sau sẽ được đi làm, đến hạn chị V không được đi làm như B hứa.

Cũng trong tháng 9/2020, nghe B nói có một xuất xin vào Ban quản lý các dự án công trình tỉnh QN, chi phí là 100.000.000đồng. Anh H đã nói lại việc này với dì ruột là chị Bùi Thị Th. Chị Th đồng ý xin cho con gái là Vũ Thị H vào làm. Ngày 22/9/2020, anh H cho chị Th số tài khoản ngân hàng 106005659607 của Đào Ngọc B. Chị Th đã chuyển số tiền 100.000.000đồng từ số tài khoản 0119100005042006 của chị Thường đến số tài khoản của B. Sau khi nhận được tiền B nói với anh H đầu tháng 10/2020 chị Hoa sẽ được đi làm. Tuy nhiên, đến hết tháng 10/2020 chị H vẫn chưa được đi làm. Theo yêu cầu của B phải bổ sung chi phí xin việc cho H, nên ngày 06/11/2020, anh H chuyển thêm 10.000.000đồng nữa cho B. Đến tháng 4/2021, chị Hoa vẫn chưa được đi làm, chị Th đã yêu cầu anh H phải có trách nhiệm với số tiền đã chuyển cho B để xin việc. Anh H đã tự bỏ tiền ra trả lại 110.000.000đồng cho chị Th.

Trong khoảng đầu tháng 10/2020, B nói với anh H có một xuất vào việc làm tại Phòng y tế thành phố H, chi phí xin việc là 150.000.000đồng, anh H đồng ý xin cho chị Vũ Thị H (vợ anh H). Theo yêu cầu của B, anh H đã đưa hồ sơ xin việc của chị Hường, đồng thời nhiều lần đưa tiền trực tiếp và chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của B, tổng cộng là 145.000.000đồng. Sau này thấy chị H không được đi làm, anh H yêu cầu B trả lại số tiền nhưng B tiếp tục hứa hẹn, không trả tiền.

Tổng cộng B đã chiếm đoạt của anh H 555.000.000đồng, của chị Th 100.000.000đồng. Đến tháng 7/2021, anh H đã làm đơn tố giác B gửi Cơ quan điều tra công an thành phố H.

Tại công văn số 3336 ngày 09/9/2021 Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cung cấp: Từ năm 2020 đến nay Sở kế hoạch đầu tư không tiếp nhận hồ sơ xin việc, tuyển dụng của người nào có tên là Phạm Trung H để làm việc.

Tại biên bản làm việc ngày 23/7/2021, Hiệu trưởng Trường tiểu học QT cung cấp: Trong thời gian từ tháng 9/2020 đến nay Trường tiểu học QT không tiếp nhận hồ sơ, không tiếp nhận người nào tên là Phạm Thị V, nộp vào trường hay đến làm việc tại Trường tiểu học QT.

Tại biên bản làm việc ngày 23/7/2021, Phòng y tế thành phố H cung cấp: Từ tháng 10/2020 đến nay, Phòng y tế không tiếp nhận hồ sơ xin việc, không tiếp nhận người nào tên là Vũ Thị H, vào làm việc tại Phòng y tế thành phố H.

Vụ thứ tư:

Ngày 22/9/2020, anh Nguyễn Mạnh T là cháu ruột của Đào Ngọc B thấy B nói có khả năng xin được một suất vào Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Ninh, nên đã nói lại việc này với anh Trần Đức D là bạn thân của anh T và cho anh D số điện thoại của B để hỏi trực tiếp. Anh D gọi điện cho B, thì B nói có khả năng xin được một suất vào Ban quản lý khu kinh tế tỉnh, chi phí là 100.000.000đồng, nếu đồng ý thì chuyển ngay tiền và hồ sơ xin việc cho B, thì đến tháng 10, tháng 11 sẽ được đi làm. Anh D đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của B 100.000.000đồng và đưa cho B 01 bộ hồ sơ xin việc. Đến ngày 30/9/2020, B gọi cho anh D yêu cầu anh D chuyển thêm số tiền 20.000.000đồng để B đưa cho người giúp D xin việc. Tin tưởng B nên anh D tiếp tục chuyển cho B số tiền 20.000.000đồng vào tài khoản ngân hàng của B. Qua nhiều lần hẹn mà không được đi làm, anh D đã yêu cầu B trả lại số tiền 120.000.000đồng nhưng B chỉ hứa hẹn, mà không trả nên anh D đã làm đơn tố cáo B đến Cơ quan điều tra Công an thành phố H.

Tại công văn số 1979/BQLKKT-VP ngày 10/9/2021 của Ban quản lý khu kinh tế QN cung cấp: Qua rà soát đội ngũ công chức, viên chức thuộc diện Ban Quản lý Khu kinh tế QN không có ai tên là Trần Đức D làm việc tại Ban và Ban Quản lý Khu kinh tế không thực hiện tiếp nhận, tuyển dụng người có tên nêu trên vào làm việc tại Ban.

Vụ thứ năm:

Do có quen biết với anh Phạm Ngọc K từ trước, tháng 11/2020 B đến nhà anh K nói là B có mối quen biết sẽ xin cho K vào làm ở Ban quản lý Vịnh Hạ Long, chi phí là 60.000.000đ, khoảng 15 ngày đến 01 tháng là được đi làm. Sau đó B liên tục gọi điện, nhắn tin hối thúc anh K chuyển tiền để B xin việc cho anh K. Ngày 10, 11/11/2020 anh K đã chuyển 2 lần tiền đến tài khoản ngân hàng cho B tổng cộng 60.000.000đồng. Đến tháng 4/2021 anh K hỏi thì B nói không xin được và hẹn sẽ trả lại tiền cho anh, nhưng sau đó không thực hiện. Đến tháng 7/2021 anh K đã trình báo Cơ quan điều tra về hành vi của B và giao nộp cho Cơ quan điều tra bản phô tô các tin nhắn chuyển tiền thành công vào tài khoản ngân hàng của B.

Tại công văn số 493 ngày 06/9/2021 Ban quản lý vịnh HL cung cấp: Ban quản lý vịnh HL không tiếp nhận hồ sơ xin việc, tuyển dụng anh Phạm Ngọc K vào làm việc tại Ban.

Quá trình điều tra bị cáo Đào Ngọc B thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên trên và khai: B không có chức năng, nhiệm vụ tuyển dụng lao động, không nhờ ai xin việc cho các bị hại, các chỉ tiêu tuyển dụng, xin việc làm là do B tự nghĩ ra. B nói dối là quan biết nhiều người có khả năng xin việc làm, tách thửa đất, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mua được ki ốt để các bị hại tin tưởng đưa tiền cho B. Sau khi nhận được tiền B không làm gì như đã hứa hẹn. Toàn bộ số

tiền chiếm đoạt của anh Đoàn Anh T 213.500.000đồng, của anh Hoàng Thành N 134.000.000đồng, của anh Phạm Trung H và của người nhà anh H tổng cộng là 655.000.000đồng, của anh Trần Đức D 120.000.000đồng, của anh Phạm Ngọc K 60.000.000đồng, B đã chi tiêu cá nhân hết, hồ sơ xin việc, tách thửa đất của những bị hại nêu trên B không nộp vào cơ quan nào cả, đến nay đã thất lạc, không rõ ở đâu. B đã trả cho anh N 134.000.000đồng, trả cho anh T 103.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số: 149/CT - VKSQN – P2 ngày 15 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Đào Ngọc B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo Đào Ngọc B thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng mô tả, quy kết; bị cáo ăn năn hối hận về hành vi do mình gây ra; đề nghị HĐXX xem xét quá trình công tác cống hiến của bị cáo; hoàn cảnh gia đình bố mẹ già, con nhỏ vợ bỏ bê; bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm trở về gia đình làm lại cuộc đời.

Bị hại Hoàng Thành N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị: Bị hại đã thu hồi tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì khác. Ngoài ra, bị hại cũng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị hại Bùi Thị Thường đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt vắng mặt tại phiên tòa và không có đề nghị gì khác.

Bị hại Đoàn Anh T , Phạm Ngọc K vắng mặt tại phiên tòa, (có đơn đề nghị) và đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Về hình phạt, bị hại cũng đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Phạm Trung H có quan điểm yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 655 triệu đồng (trong đó có 100 triệu đồng anh đã trả cho bị hại Bùi Thị Thường). Về hình phạt đề nghị Tòa xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị hại Trần Đức D đề nghị Tòa án không buộc bị cáo phải trả lại số tiền 120.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt và đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị H là vợ bị hại Phạm Trung H; chị Phạm Thị V là chị gái anh Phạm Trung H đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã có lời khai yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà các chị đã đưa cho anh Phạm Trung H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh sau khi phân tích, đánh giá tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đào Ngọc B; đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Đào Ngọc B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đào Ngọc B từ 12 năm tù đến 13 năm tù; Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Bị cáo không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt;

Bị hại Phạm Trung H; Trần Đức D đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát

và không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Đào Ngọc B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và khẳng định, những lời khai nhận tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật; xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng; phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa, đã đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến tháng 12/2020, trên địa bàn Thành phố H, tỉnh QN, Đào Ngọc B đã có hành vi gian dối tự nhận mình có khả năng nhờ người khác làm thủ tục xin tách thửa đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mua ki ốt, chuyển đổi việc làm, xin được việc làm, để người khác tin tưởng đưa tiền cho B nhờ làm những việc trên. Sau khi nhận tiền của các bị hại B đã không làm gì như đã hứa hẹn và đã chiếm đoạt của các bị hại tổng cộng 1.182.500.000 đồng (*Một tỷ một trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó chiếm đoạt của: anh Đoàn Anh T 213.500.000 đồng, của anh Hoàng Thành N 134.000.000 đồng; của anh Phạm Trung H và của người nhà anh H là chị Bùi Thị Thường tổng cộng là 655.000.000 đồng; của anh Trần Đức D 120.000.000 đồng; của anh Phạm Ngọc K 60.000.000 đồng. Bị Cáo Đào Ngọc B đã trả cho anh N 134.000.000 đồng; trả cho anh Đoàn Anh T 103.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đào Ngọc B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nêu và viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo Đào Ngọc B nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có tiền để chi tiêu, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác; hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn thể hiện sự bất chấp pháp luật, làm mất trật tự, trị an, xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, hình ảnh của các cơ quan, tổ chức của Nhà nước. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung;

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đào Ngọc B bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đào Ngọc B khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen của Cơ quan, đoàn thể, tổ chức; Bị cáo đã khắc phục, bồi thường được một phần tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại Đoàn Anh T và toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại Hoàng Thành N; người bị hại anh Hoàng Thành N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền 1.182.500.000 đồng (*Một tỷ một trăm tám hai triệu năm trăm nghìn đồng*), Hiện tại bị cáo đã trả hết cho anh Hoàng Thành N 134.000.000 đồng; trả cho anh Đoàn Anh T 103.000.000 đồng; anh Trần Đức D không yêu cầu bị cáo trả số tiền 120.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt; Như vậy bị cáo Đào Ngọc B phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt còn lại cho các bị hại là 825.500.000 đồng (*tám trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng*). Cụ thể: Bồi thường cho anh Đoàn Anh T số tiền 110.500.000 đồng (*một trăm mười triệu, năm trăm nghìn đồng*); Bồi thường cho anh Phạm Trung H số tiền 655.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng*); Bồi thường cho anh Phạm Ngọc K 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đào Ngọc B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

[1] Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc B 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2021.

[2] Áp dụng: Khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1, Điều 584; khoản 1, Điều 585; khoản 1, Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Bị cáo Đào Ngọc B có nghĩa vụ trả cho anh Đoàn Anh T số tiền 110.500.000 đồng (*một trăm mười triệu, năm trăm nghìn đồng*), anh Phạm Trung H số tiền 655.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng*), anh Phạm Ngọc K 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà bị cáo chậm trả tiền, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bị cáo Đào Ngọc B phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 36.765.000 đồng (ba mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự.

[4] Án xử sơ thẩm công khai thông báo để bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tt khác;
- VKSND tỉnh QN;
- Công an tỉnh QN;
- THA, Lưu VP, Tòa hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Chinh

